

Số: **1889** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **24** tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng thành viên,

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Chủ tịch, Giám đốc các Công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KHTC_{Loevt}



BỘ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

Thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1889/QĐ-BCT ngày 24/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương nhằm thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; cụ thể hóa các nhiệm vụ của Chính phủ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2026, tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp đột phá nhằm bù đắp phần còn thiếu của các chỉ tiêu tăng trưởng ngành Công Thương, phấn đấu hoàn thành và vượt các mục tiêu được Chính phủ giao; trong đó tập trung vào các chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu sau 6 tháng đầu năm gồm: chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), tổng công suất nguồn điện, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng trưởng thương mại điện tử B2C và tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử.

Tiếp tục phát huy vai trò của ngành Công Thương là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo; bảo đảm cung ứng điện, xăng dầu và các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và tiêu dùng; thúc đẩy xuất khẩu gắn với đa dạng hóa thị trường, khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA); phát triển mạnh thị trường trong nước, thương mại điện tử, chuyển đổi số và các động lực tăng trưởng mới.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đổi mới mạnh mẽ phương thức chỉ đạo, điều hành theo hướng quản trị bằng mục tiêu, chỉ tiêu và kết quả đầu ra; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ trong tổ chức thực hiện; xác định rõ trách nhiệm của từng Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện từng chỉ tiêu tăng trưởng của ngành.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động phải bám sát các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chính phủ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng của ngành Công Thương và mục tiêu tăng trưởng của từng địa phương, từng lĩnh vực.

Các đơn vị thuộc Bộ chủ động rà soát, cập nhật kịch bản tăng trưởng theo lĩnh vực phụ trách; xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể đối với từng chỉ tiêu, từng nhiệm vụ được giao; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các địa phương, doanh nghiệp, dự án trọng điểm còn dư địa tăng trưởng; kịp thời đề xuất Bộ trưởng các giải pháp điều hành khi có nguy cơ không hoàn thành mục tiêu.

Việc tổ chức thực hiện phải gắn chặt giữa kết quả thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng với trách nhiệm của đơn vị chủ trì; tăng cường phối hợp giữa các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài; phát huy hiệu quả cơ chế phối hợp trong tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, phát triển thị trường và bảo đảm cung ứng năng lượng.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành; nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo; thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình trong nước và quốc tế để chủ động cập nhật kịch bản tăng trưởng, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu được Chính phủ giao.

Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả thực hiện, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị giải pháp về Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các đơn vị thuộc Bộ khẩn trương triển khai các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 2; đồng thời:

(i) Tập trung thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp, tạo động lực tăng trưởng chủ yếu của ngành.

(ii) Thúc đẩy phát triển thương mại, xuất nhập khẩu, thị trường trong nước và thương mại điện tử; khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới.

(iii) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, chuyển đổi số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh.

(iv) Tập trung nguồn lực xây dựng, bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật được giao chủ trì soạn thảo, trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp tháng 8 năm 2026 và Kỳ họp tháng 10 năm 2026; đẩy nhanh việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết, không để phát sinh “khoảng trống” pháp lý.

(v) Tăng cường công tác theo dõi, dự báo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kịch bản tăng trưởng, cụ thể:

- Tăng cường công tác theo dõi, phân tích, dự báo để đề xuất giải pháp xử lý ngay từ đầu đối với những nguy cơ ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng.

- Theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng của ngành.

- Theo dõi theo địa bàn, lĩnh vực và dự án trọng điểm để chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn về thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường, giải phóng mặt bằng, nguồn vốn và các vấn đề phát sinh khác.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ; kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

- Thiết lập cơ chế giám sát, báo cáo phục vụ điều hành.

- Đánh giá kết quả thực hiện gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

2. Đối với nhóm địa phương chưa hoàn thành ít nhất một trong hai chỉ tiêu tăng trưởng về chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chi tiết tại Phụ lục 3), đề nghị các địa phương tiếp tục triển khai các giải pháp trong các tháng còn lại của năm 2026 để phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu; tập trung điều hành theo kịch bản tăng trưởng hằng tháng; Ưu tiên tháo gỡ khó khăn cho sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp - năng lượng - logistics có tác động lan tỏa; đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung

cầu, đưa hàng Việt vào hệ thống phân phối hiện đại, phát triển thương mại điện tử.

3. Đối với nhóm địa phương đã hoàn thành hoặc vượt đồng thời chỉ tiêu tăng trưởng về chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chi tiết tại Phụ lục 3), đề nghị các địa phương tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, phấn đấu vượt mục tiêu năm; chủ động mở rộng công suất, thúc đẩy tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; phát huy vai trò đầu tàu, cực tăng trưởng, liên kết vùng và chia sẻ kinh nghiệm điều hành với các địa phương còn thấp hơn mục tiêu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ

Thủ trưởng các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Chương trình hành động này chủ động xây dựng kế hoạch triển khai của đơn vị; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện, sản phẩm đầu ra và phân công trách nhiệm đến từng đơn vị trực thuộc, bảo đảm hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ được giao trong năm 2026.

Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách; chủ động rà soát các chỉ tiêu tăng trưởng, các dự án, chương trình, đề án còn dư địa tăng trưởng; kịp thời tham mưu Bộ trưởng các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, không để chậm tiến độ làm ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng chung của ngành.

Định kỳ đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng thuộc lĩnh vực phụ trách; trường hợp có chỉ tiêu hoặc nhiệm vụ có nguy cơ không hoàn thành phải chủ động báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và đề xuất ngay các giải pháp bổ sung.

2. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị liên quan theo dõi, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng và nhiệm vụ trọng tâm của ngành Công Thương; định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Lãnh đạo Bộ để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc và tổng hợp việc thực hiện Chương trình hành động này, tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng và Chính phủ theo quy định.

- Chủ trì cập nhật kịch bản tăng trưởng của ngành Công Thương theo từng tháng, từng quý trên cơ sở diễn biến tình hình trong nước, quốc tế và kết quả thực

hiện của các đơn vị, địa phương; kịp thời tham mưu Bộ trưởng điều chỉnh các giải pháp điều hành khi cần thiết.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng của từng lĩnh vực, từng đơn vị và từng địa phương; báo cáo Lãnh đạo Bộ phục vụ công tác giao ban, chỉ đạo điều hành.

- Chủ trì tổ chức các cuộc họp chuyên đề về tăng trưởng của ngành; tham mưu Bộ trưởng làm việc với các địa phương, tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp lớn để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh (nếu cần).

3. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

- Chủ trì theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Lãnh đạo Bộ giao; phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng tiến độ; tổng hợp các nhiệm vụ chậm tiến độ để báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, chỉ đạo.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, tổng hợp và phục vụ chỉ đạo điều hành của Bộ.

4. Trách nhiệm của Sở Công Thương các tỉnh, thành phố

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách; trong đó đánh giá rõ kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị các giải pháp xử lý; trường hợp có chỉ tiêu hoặc nhiệm vụ có nguy cơ không hoàn thành phải báo cáo ngay, không chờ đến kỳ báo cáo định kỳ.

- Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực Công Thương nhằm thực hiện các mục tiêu tăng trưởng năm 2026.

- Theo dõi sát tình hình sản xuất công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu, thương mại điện tử, cung ứng điện và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các dự án trọng điểm.

- Đối với các địa phương có kết quả thực hiện các chỉ tiêu ngành Công Thương tăng trưởng thấp hơn mục tiêu năm, xây dựng kế hoạch tăng tốc trong các tháng còn lại; định kỳ báo cáo Bộ Công Thương về kết quả thực hiện và các khó khăn, vướng mắc để kịp thời phối hợp xử lý.

5. Chế độ theo dõi, kiểm tra và báo cáo

Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 20 hằng tháng về tình hình thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng, nhiệm vụ được giao và các khó khăn, vướng mắc phát sinh, gửi Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp để tổng hợp.

Trường hợp có biến động lớn ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng hoặc có chỉ tiêu, nhiệm vụ có nguy cơ không hoàn thành, các đơn vị phải báo cáo ngay Lãnh đạo Bộ phụ trách, đồng thời đề xuất giải pháp xử lý; không chờ đến kỳ báo cáo định kỳ.

Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng; đồng thời tham mưu tổ chức các cuộc họp chuyên đề hoặc các đoàn công tác của Lãnh đạo Bộ đối với các lĩnh vực, địa phương có nguy cơ không hoàn thành mục tiêu tăng trưởng.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng và nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động này là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố. Trường hợp chỉ tiêu, nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc có nguy cơ không hoàn thành, người đứng đầu đơn vị phải chủ động báo cáo, làm rõ nguyên nhân, đề xuất giải pháp khắc phục và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

6. Tổ chức đánh giá, cập nhật Chương trình hành động

Trong quá trình tổ chức thực hiện, căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, kết quả thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng và yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương chủ động rà soát, cập nhật, điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp và kịch bản tăng trưởng của ngành cho phù hợp với tình hình thực tế.

Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực phụ trách khi phát sinh các yếu tố mới có tác động lớn đến việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng, gửi Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Yêu cầu các đồng chí Thứ trưởng theo lĩnh vực phụ trách chịu trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo các Đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tập trung triển khai thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các nhiệm vụ được giao./.

PHỤ LỤC 1
CẬP NHẬT KỊCH BẢN ĐỐI VỚI CÁC CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG
CÁC THÁNG CUỐI NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1889/QĐ-BCT ngày 24/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I	Quý II	tháng 7	tháng 8	tháng 9	Quý III	tháng 10	tháng 11	tháng 12	Quý IV	Cả năm 2026
1	Tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	9,0	11,2	12,4	12,3	13,1	12,6	13,3	13,0	13,2	13,2	13,1
	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống												
	Quy mô	tỷ kWh		94,7	33,1	33,4	31,5	98,0	30,8	29,1	29,7	89,6	359,1
	Tăng trưởng	%		12,7	10,9	12,6	14,8	12,7	11,5	15,2	9,7	12,1	11,2
3	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)												
	Quy mô			85.019	-	-	-	85.496	-	-	-	88.165	88.165
	Tăng trưởng	%		3,4	-	-	-	3,4	-	-	-	6,6	Tối thiểu 6%

PHỤ LỤC II

Nhiệm vụ, giải pháp của các Đơn vị thực hiện các mục tiêu tăng trưởng ngành Công Thương 6 tháng cuối năm 2026
(Kèm theo Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ)

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
I	CỤC CÔNG NGHIỆP		
1	Hoàn thiện thể chế		
1.1	Hoàn thiện các chiến lược công nghiệp: Chiến lược quốc gia về đất hiếm; Chiến lược phát triển ngành công nghiệp vật liệu Việt Nam; Luật về Công nghiệp vật liệu.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm 2026
1.2	Trình dự án Luật Công nghiệp trọng điểm (nếu đạt tính khả thi cao, đáp ứng tính cấp bách).	Chính phủ trình Quốc hội	Kỳ họp thứ 2 năm 2026
1.3	Tham mưu Bộ trình ban hành Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 – 2035.	Thủ tướng Chính phủ	Năm 2026
1.4	Phát triển một số phân ngành cơ khí trọng điểm, hình thành năng lực sản xuất - chế tạo đối với đường sắt đô thị, tập trung vào các nhóm sản phẩm về đầu máy, toa xe, hệ thống cung cấp điện sức kéo, thiết bị, vật tư và hệ thống thông tin, tín hiệu...	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên
1.5	Nghiên cứu, phát triển các ngành cơ khí phục vụ kinh tế biển, nhất là đóng tàu, chế biến thiết bị điện gió ngoài khơi, kết cấu - thiết bị dầu khí	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
1.6	Rà soát, xác định các ngành, lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, lĩnh vực có khả năng nội địa hóa theo lộ trình và giải pháp, chính sách cụ thể theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với kết quả đầu ra cụ thể để thực hiện nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, từng bước khắc phục tình trạng nhập siêu.		Bộ Công Thương phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng	Nhiệm vụ thường xuyên
2	Tháo gỡ khó khăn			
2.1	Hỗ trợ hoàn thiện thủ tục cấp phép vận hành, mở rộng công suất, kiểm tra nghiệm thu cho các dự án lớn (Hòa Phát Dung Quất 2, VinFast Hà Tĩnh, Geleximco, Kim Long Motors...).		Cục Công nghiệp /Bộ chuyên ngành	Theo tiến độ dự án (nửa cuối năm 2026)
2.2	Phối hợp với Bộ Xây dựng tham mưu cơ chế đặc thù (cam kết thị trường tối thiểu/bao tiêu) cho dự án thép ray chất lượng cao của Hòa Phát.		Cấp có thẩm quyền	Nửa cuối năm 2026
2.3	Tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ đưa vào khai thác các dự án trọng điểm ngành khai khoáng, khai thác đất hiếm gắn với chế biến sâu, bảo đảm hài hòa với môi trường.		Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên
3	Phối hợp địa phương, doanh nghiệp			
3.1	Làm việc trực tiếp với một số địa phương, đôn đốc các định hướng: thu hút FDI công nghệ cao, đào tạo nhân lực CNHT, xây dựng chuỗi cung ứng tại địa bàn			Nhiệm vụ thường xuyên
II	CỤC ĐIỆN LỰC			
1	Công tác điều hành	Theo dõi sát cung - cầu điện, chỉ đạo NSMO cập nhật phương thức vận hành hệ thống điện hàng tháng, lên kịch bản tích nước các hồ thủy điện cuối năm.	Bộ Công Thương/NSMO	Hàng tháng/Cuối năm 2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
2	Kiểm tra, giám sát	Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát tiến độ thực hiện các dự án nguồn điện và lưới điện trọng điểm theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh tại Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hà Nội	Bộ Công Thương phối hợp UBND các tỉnh	Trong các tháng cuối năm 2026
3	Nhiệm vụ cụ thể	Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư số 60/2025/TT-BCT về thực hiện bán giá điện đối với các cơ sở lưu trú du lịch, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu điều hành điện quốc gia và hỗ trợ phát triển du lịch.		Trong tháng 07 năm 2026
		Phối hợp với các địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp triển khai hiệu quả Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; kịp thời nắm bắt tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện lớn để tập trung tháo gỡ, đưa vào vận hành theo đúng tiến độ. - Thường xuyên rà soát, dự báo, cập nhật các kịch bản và kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia, ứng phó với các tình huống cực đoan, bất lợi, thậm chí có thể xảy ra đồng thời (nắng nóng kéo dài, các tổ máy phát điện lớn, hệ thống truyền tải điện gặp sự cố...), chủ động phương án nhập khẩu điện, không để thiếu điện cho sản xuất trong mọi tình huống	Bộ Công Thương /Các Bộ ngành, địa phương	Thường xuyên liên tục
III	CỤC XUẤT NHẬP KHẨU			
1	Hoàn thiện thể chế			
1.1	Trình ban hành các Nghị định quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định về xuất xứ hàng hóa, Nghị định về kinh doanh xuất nhập khẩu gạo (thay thế ND 107 và ND 01).		Chính phủ	Tháng 7 - 8/2026
1.2	Ban hành 07 Thông tư hướng dẫn các Nghị định nêu trên (05 Thông tư về xuất xứ, 02 Thông tư về quản lý ngoại thương).		Bộ Công Thương	Ngay sau khi Nghị định ban hành
2	Giải pháp về công nghệ			

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
2.1	Trao đổi để đưa thêm các thủ tục hành chính về xuất nhập khẩu lên Cổng Thông tin một cửa quốc gia và Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ.		Bộ Công Thương phối hợp Cục Hải quan	Quý III/2026
2.2	Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu về xuất nhập khẩu hàng hoá để phục vụ công tác điều hành.		Bộ Tài chính chia sẻ cho Bộ Công Thương	Quý III/2026
3	Kiểm tra, giám sát	Kiểm tra các cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và công tác phòng chống gian lận xuất xứ.	Bộ Công Thương	Quý III/2026
4	Phối hợp địa phương, doanh nghiệp			
4.1	Kiện toàn Tổ công tác liên ngành về hoạt động xuất nhập khẩu.		Liên bộ	Tháng 6 - 7/2026
4.2	Làm việc với một số địa phương về công tác thực thi, tháo gỡ khó khăn trong triển khai các TTHC liên quan đến XNK được phân cấp, phân quyền.		Cục Xuất nhập khẩu	Quý III/2026
4.3	Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các ưu đãi về thuế quan, quy tắc xuất xứ và mở rộng thị trường xuất khẩu, khai thác hiệu quả các FTA đã ký kết, nhất là các FTA thế hệ mới		Cục Xuất nhập khẩu	Thường xuyên
5	Giải pháp về nguồn lực			

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
5.1	Phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, nâng cao năng lực cho cán bộ cấp C/O của các cơ quan, tổ chức mới được phân cấp, phân quyền.	Cục Xuất nhập khẩu	Quý III - IV/2026
5.2	Làm việc với địa phương, tổ chức để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực logistics.	Cục Xuất nhập khẩu	Quý III/2026
6	Nhiệm vụ cụ thể		
	Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi sát diễn biến thương mại quốc tế, tình hình xuất nhập khẩu để có giải pháp kịp thời thúc đẩy xuất khẩu và xử lý hiện tượng nhập siêu, bảo đảm cán cân thương mại bền vững, không làm ảnh hưởng tới mục tiêu tăng trưởng 2 con số.	Cục Xuất nhập khẩu	Thường xuyên
IV	CỤC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC		
1	<i>Giải pháp kích cầu tiêu dùng và hoàn thiện thể chế</i>		
1.1	Tổ chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng và đẩy mạnh Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.		
1.2.	Xây dựng và trình phê duyệt Chương trình “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam” gắn với yêu cầu nâng cấp các ngành sản xuất.	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 7/2026
1.3	Xây dựng và trình ban hành Đề án “Phát triển hệ thống trung tâm logistics Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050”	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 12/2026
1.4	Xây dựng và trình ban hành Chiến lược phát triển thị trường trong nước trong giai đoạn mới (thay thế Quyết định số 1163/QĐ-TTg)	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 12/2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
1.5	Triển khai Chương trình thúc đẩy tiêu thụ một số ngành hàng công nghiệp nhẹ (dệt may, da giày...) tại thị trường trong nước.	Cục TTTN phối hợp các Hiệp hội, địa phương	Các tháng cuối năm 2026
1.6	Xây dựng Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới giai đoạn 2026-2030.	Thủ tướng Chính phủ	6 tháng cuối năm
2	Kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường		
2.1	Chỉ đạo các Sở Công Thương địa phương triển khai Chương trình bình ổn thị trường; kết nối cung cầu hàng hóa; phối hợp với ngành ngân hàng hỗ trợ, kết nối các doanh nghiệp sản xuất, phân phối hàng thiết yếu phục vụ Tết, với các tổ chức tín dụng trên địa bàn để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi, dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán.	Bộ Công Thương /Bộ Tài chính / Sở Công Thương	Cuối năm 2026
2.3	Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, hàng không rõ nguồn gốc, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ, quy định vệ sinh an toàn thực phẩm...; xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, trục lợi, găm hàng, tăng giá hàng hóa bất thường, góp phần bảo đảm kiểm soát lạm phát.	Cục TTTN phối hợp với các cơ quan liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên
2.4	Phối hợp với Bộ Tài chính trong công tác điều hành giá xăng dầu trong nước; nghiên cứu, tính toán kỹ lưỡng mức độ, phạm vi, thời điểm điều chỉnh giá các mặt hàng, dịch vụ do Nhà nước quản lý để kiểm soát lạm phát.	Phối hợp với các cơ quan liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên
2.5	Bảo đảm nguồn cung xăng dầu trong nước, điều hành giá xăng dầu và thực hiện hiệu quả việc chi tạm ứng từ ngân sách nhà nước cho Quỹ bình ổn xăng dầu	Phối hợp với các cơ quan liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên
3	Đảm bảo an ninh năng lượng		

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	Bảo đảm nguồn cung xăng dầu trong nước, điều hành giá xăng dầu và thực hiện hiệu quả việc chi tạm ứng từ ngân sách nhà nước cho Quỹ bình ổn xăng dầu.			
V	CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ			
1	Hoàn thiện thể chế			
1.1		Ban hành Kế hoạch Phát triển TMĐT tại khu vực miền núi, biên giới giai đoạn 2027-2030, định hướng đến năm 2035.	Bộ Công Thương	Quý III/2026
1.2		Tổ chức triển khai đồng bộ Luật TMĐT (có hiệu lực từ 01/7/2026) và Nghị định hướng dẫn; tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho DN và địa phương.	Cục TMĐT&KTS	Trong năm 2026
2	Giải pháp công nghệ	Nghiên cứu, nâng cấp Hệ thống quản lý hoạt động TMĐT thế hệ mới, xây dựng Cơ sở dữ liệu TMĐT quốc gia phục vụ giám sát, hậu kiểm điện tử.	Cục TMĐT&KTS	Trong năm 2026
3	Kiểm tra, giám sát	Thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật TMĐT (QĐ 776/QĐ-TTg) và Kế hoạch kiểm tra chuyên đề năm 2026 trong lĩnh vực TMĐT&KTS.	Cục TMĐT&KTS	Trong năm 2026
4	Phối hợp và hậu kiểm			
4.1		Triển khai Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2026-2030; phối hợp địa phương thực hiện quản lý liên kết vùng, thu hẹp khoảng cách phát triển.	Cục TMĐT&KTS	Trong năm 2026
4.2		Phối hợp với các lực lượng chức năng hậu kiểm, xử lý vi phạm, đấu tranh chống hàng giả, hàng nhái trên môi trường số, bảo vệ người tiêu dùng.	Cục TMĐT&KTS	Trong năm 2026
5	Các giải pháp cụ thể khác			

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
5.1		Triển khai hỗ trợ phát triển TMĐT xuyên biên giới; tổ chức chương trình xúc tiến xuất khẩu trực tuyến, kết nối DN với các sản phẩm quốc tế.	Cục TMĐT&KTS	Trong năm 2026
5.2		Tham gia các cơ chế hợp tác song phương/đa phương về thương mại số; tổ chức các khóa tập huấn kỹ năng TMĐT&KTS.	Cục TMĐT&KTS	Trong năm 2026
5.3		Triển khai nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số của Bộ Công Thương; hoàn thiện hạ tầng số và hệ thống thông tin dùng chung.	Cục TMĐT&KTS	Trong năm 2026
VI	CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI			
1	Về hoàn thiện thể chế			
1.1		Hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền Chiến lược Thương hiệu quốc gia Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Công Thương	Quý IV/2026
1.2		Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng (thực hiện Nghị định số 230/2026/NĐ-C)	Bộ Công Thương	Quý IV/2026
1.3		Xây dựng Quy chế quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026-2030 (Go Global)	Bộ Công Thương	Quý II/2026
2	Kế hoạch triển khai nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra, giám sát			

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
2.1		Xét chọn và tổ chức Lễ công bố các sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam lần thứ 10 năm 2026.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm 2026
2.2		Rà soát tiến độ thực hiện các đề án thuộc Chương trình THQG năm 2026; xác định các đề án chậm tiến độ, đề án có khả năng tạo kết quả trong 6 tháng cuối năm để tập trung tổ chức thực hiện.	Cục XTTM	6 tháng cuối năm 2026
2.3		Kiểm tra, giám sát một số đơn vị chủ trì, đề án thuộc Chương trình cấp Quốc gia về XTTM năm 2026	Cục XTTM	Quý IV/2026
3	Kiện toàn tổ chức liên ngành, cơ chế phối hợp với địa phương			
3.1		Trình Thủ tướng Chính phủ về kiện toàn Ban Chỉ đạo các Hội chợ Quốc gia; trình Ban Chỉ đạo phê duyệt Đề án tổ chức các Hội chợ Quốc gia đến năm 2030	Bộ Công Thương	Quý III-IV/2026
3.2		Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global)	Thủ tướng Chính phủ	Quý II/ 2026
3.3		Triển khai Quy chế phối hợp trong công tác xúc tiến thương mại theo Quyết định số 1368/QĐ-BCT ngày 09/6/2026	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	
4	Giải pháp bảo đảm	Bổ trí nguồn kinh phí Chương trình Thương hiệu quốc gia năm 2026 theo nhiệm vụ đã được phê duyệt	Bộ Công Thương	Quý II/2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	<i>nguồn lực</i>			
5	Các nhiệm vụ cụ thể khác			
5.1		Triển khai Chương trình "Go Global" giai đoạn 2026-2030: rà soát, nâng cấp và hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu quốc gia, đăng ký bảo hộ, áp dụng chung cho tất cả sản phẩm, dịch vụ Việt Nam đáp ứng được các tiêu chí của Chương trình để sử dụng thống nhất trên thị trường trong nước, quốc tế	Bộ Công Thương	Quý III-IV/2026
5.2		Triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và doanh nghiệp, sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam trên các kênh truyền thông trong nước, quốc tế, nền tảng số, hội chợ, triển lãm và sự kiện xúc tiến thương mại trọng điểm.	Cục XTTM	Quý III-IV/2026
5.3		Tổ chức các chương trình đào tạo, tư vấn nâng cao năng lực xây dựng thương hiệu, thiết kế bao bì sản phẩm xuất khẩu, chuyển đổi số, thương mại điện tử xuyên biên giới; phối hợp với các nền tảng thương mại điện tử và đối tác trong, ngoài nước hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường và xuất khẩu.	Cục XTTM	Quý III-IV/2026
5.4		Triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và lồng ghép phát triển thương hiệu trong các chương trình về công nghiệp văn hóa, du lịch, ẩm thực và sản phẩm địa phương.	Cục XTTM	Quý III-IV/2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
5.5		Xây dựng và vận hành “Gian hàng Quốc gia Việt Nam (Vietnam National Pavilion)” trên các sàn thương mại điện tử toàn cầu (Alibaba.com, Amazon, TikTok Shop, Lazada, Shopee...) nhằm triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường số, quảng bá sản phẩm và thương hiệu Việt Nam, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp nhà mua hàng quốc tế và xúc tiến xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới.	Cục XTTM	Quý IV/2026
5.6		Xây dựng Cổng thông tin XTTM số và hệ thống cơ sở dữ liệu XTTM số làm cơ sở vận hành Hệ sinh thái XTTM số theo Quyết định số 1968/QĐ-TTg	Cục XTTM	Quý IV 2026
5.7		Tổ chức đoàn doanh nghiệp VN tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế lớn tại Trung Quốc (Caexpo, CIEE), Châu Âu (Sial Paris, Food Moscow), Hoa Kỳ (Highpoint Market, PLMA), ASEAN (Lao Expo, Campuchia Expo)	Cục XTTM	Quý III-IV 2026
5.8		Tổ chức các hội chợ triển lãm quốc tế trong nước (Food Expo, OCOPEX)	Cục XTTM	Quý III 2026
5.9		Tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại, đầu tư tại một số thị trường xuất khẩu trọng điểm và tiềm năng: Argentina, Chile, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc	Cục XTTM	Quý III-IV 2026
5.10		Tổ chức các chương trình đón đoàn doanh nghiệp quốc tế vào Việt Nam kết nối giao thương với doanh nghiệp Việt Nam	Cục XTTM	Quý III-IV 2026
5.11		Tổ chức Chương trình khuyến mại tập trung quốc gia lần 2 năm 2026 vào dịp cuối năm nhằm thúc đẩy tăng trưởng tiêu dùng trong nước	Bộ Công Thương	Tháng 12/2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
5.12		Tổ chức hoạt động quảng bá, giới thiệu môi trường đầu tư, thu hút đầu tư vào Việt Nam tại một số địa phương của Trung Quốc (Thượng Hải, Hải Nam)	Cục XTTM	Quý III-IV 2026
5.13		Tổ chức chuỗi Hội nghị giao ban XTTM với hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài để trao đổi, đánh giá tình hình thị trường, nhận diện những cơ hội và thách thức mới, đồng thời đề xuất các giải pháp xúc tiến thương mại thiết thực, hiệu quả, góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao giá trị hàng hóa Việt Nam	Bộ Công Thương	Quý III-IV 2026
5.14		Tổ chức Diễn đàn xúc tiến xuất khẩu Việt Nam 2026 nhằm đối thoại nhiều bên để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và thúc đẩy xuất khẩu bền vững cho doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi thương mại toàn cầu	Bộ Công Thương	Tháng 10 – 11
5.15		Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành công nghiệp thực phẩm (Food Forum) để nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và năng lực cạnh tranh của ngành thực phẩm Việt Nam, đồng thời thúc đẩy xúc tiến thương mại và chuyển đổi số trong xuất khẩu thực phẩm	Bộ Công Thương	Tháng 11
5.16		Thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước thông qua phương tiện Truyền hình trên kênh VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam năm 2026	Cục XTTM	Thường xuyên
5.17		Tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo trên truyền hình kênh VTV1, Đài Truyền hình Việt Nam năm 2026	Cục XTTM	Thường xuyên
5.18		Thông tin, tuyên truyền bảo vệ môi trường ngành Công Thương bằng phương tiện truyền hình	Cục XTTM	Thường xuyên

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
5.19		Đẩy mạnh xúc tiến thương mại theo từng ngành hàng, thị trường và địa bàn trọng điểm; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại gắn với xúc tiến đầu tư và chuyển giao công nghệ; Xây dựng và triển khai các giải pháp thúc đẩy tiêu thụ một số ngành hàng công nghiệp nhẹ (dệt may, da giày...) tại thị trường trong nước gắn với phát triển thương hiệu Việt	Cục XTTM phối hợp với các cơ quan liên quan	Thường xuyên
VII	CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ KHUYẾN CÔNG			
1	Thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh			
1.1		Ban hành và triển khai Kế hoạch KHCN, ĐMST và CDS ngành Công Thương giai đoạn 2026 – 2030	Cục ĐCK phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan	30/8/2026
1.2		Hoàn thành việc thẩm định 06 nhiệm vụ tại Bộ Khoa học và Công nghệ; tổ chức đặt hàng, triển khai, giao nhiệm vụ tới các đơn vị; Hoàn thành Kế hoạch triển khai công nghệ chiến lược của Bộ giai đoạn đến 2030.	Cục ĐCK phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan	30/8/2026
1.3		Tổ chức đánh giá, đề xuất giải pháp tăng cường năng lực; định hướng, giao nhiệm vụ cho các Viện/Trường đại học trực thuộc Bộ để triển khai các nhiệm vụ KHCN&ĐMST	Cục ĐCK phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 7/2026
1.4		Xác định danh mục, tổ chức đặt hàng các nhiệm vụ KHCN, ĐMST thực hiện các Chương trình KHCN cấp Bộ năm 2026 – 2027 về: chuyển đổi số và sản xuất thông minh, năng suất chất lượng, công nghệ sinh học, công nghệ cao, ứng dụng KHCN theo chuỗi sản phẩm	Cục ĐCK phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 9/2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
1.5	Xây dựng Khung đánh giá và tổ chức đánh giá, lựa chọn nhà máy điểm và đo mức sẵn sàng; Lựa chọn, triển khai thí điểm một số gói công nghệ triển khai nhanh/mô hình nhà máy thông minh;	Cục ĐCK, Cục Công nghiệp, Hóa chất, Hiệp hội	30/12/2026
1.6	Ban hành Kế hoạch của Bộ Công Thương tiếp tục thực hiện Quyết định 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Triển khai thực hiện Quyết định số 1355/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Đề án phát triển CNSH thành ngành kinh tế – kỹ thuật lĩnh vực Công Thương	Cục ĐCK Các đơn vị trong Bộ	Tháng 9/2026
2	<i>Giải pháp về hiệu quả năng lượng, chuyển đổi xanh</i>		
2.1	Nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ thành lập Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
2.2	Hoàn thiện và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
2.3	Tiếp tục xây dựng các tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng đối với thiết bị gia dụng và các tiêu chuẩn quốc gia về kinh tế tuần hoàn đối với sản phẩm thuộc ngành nhựa tái chế	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
2.4	Tham mưu sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật: Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả;	Quốc hội/ Chính phủ	
2.5	Tập trung triển khai các giải pháp tiết kiệm điện, phấn đấu đạt tối thiểu 3% tổng điện năng tiêu thụ toàn quốc trong năm 2026		
3	<i>Biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh</i>		

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
5.1	Phối hợp sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các Nghị định hướng dẫn liên quan đến biến đổi khí hậu, phát thải khí nhà kính và thị trường các-bon.	Bộ Công Thương (phối hợp Bộ NN&MT)	6 tháng cuối năm
5.2	Đánh giá giữa kỳ tình hình triển khai JETP để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
5.3	Kiểm tra chuyên đề các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
5.4	Phê duyệt quyết định giao nhiệm vụ và kinh phí Kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu năm 2027	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
5.5	Tuyên truyền, nâng cao năng lực về biến đổi khí hậu và giảm phát thải cho các doanh nghiệp, tổ chức	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
4	Hợp tác quốc tế		
4.1	Tăng cường thu hút các nguồn lực như viện trợ kỹ thuật, vốn ưu đãi, tài chính khí hậu và hợp tác công tư (PPP) phục vụ cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
4.2	Thúc đẩy hợp tác quốc tế về công nghệ chiến lược, công nghệ sạch, giảm phát thải khí nhà kính. Kết nối các chuyên gia, tổ chức và doanh nghiệp quốc tế nhằm thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh, tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
4.3	Mở rộng hợp tác quốc tế nhằm giảm dấu vết carbon và áp dụng tiêu chuẩn xanh, qua đó giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường xuất khẩu và duy trì tăng trưởng xuất khẩu bền vững.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
4.4	Tăng cường làm việc với các tổ chức quốc tế và đối tác song phương, đa phương nhằm hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn, giúp nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
4.5	Chủ động đề xuất các chính sách hợp tác quốc tế hướng đến mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững, gắn liền với quá trình chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ của toàn ngành Công Thương	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
5	Giải pháp về hoạt động khuyến công		
	ếp tục thực hiện Chương trình và Kế hoạch khuyến công quốc gia (KCQG) giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026; hướng dẫn các địa phương thực hiện hiệu quả các đề án, nhiệm vụ để phát huy nguồn lực của cơ sở công nghiệp nông thôn.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
	Hướng dẫn tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (RISEP) các cấp thông qua hệ thống quản lý điện tử.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
	Bám sát tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để điều chỉnh kinh phí KCQG năm 2026 cho sát thực tế và hiệu quả; theo dõi cơ chế tự chủ, bộ máy của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Công Thương.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
	Phối hợp với TP. Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Hải Phòng tổ chức các Hội nghị, Hội chợ triển lãm cấp khu vực năm 2026 và đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông về khuyến công.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
6	Giải pháp về phát triển cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp		

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	Hướng đến phát triển CCN đồng bộ, hiệu quả và bền vững. Sẽ xây dựng và trình ban hành Chỉ thị của Bộ trưởng về quản lý CCN sau khi có Nghị định sửa đổi (Nghị định 32/2024/NĐ-CP); tháo gỡ khó khăn trong đầu tư, tham gia ý kiến điều chỉnh quy hoạch CCN tại địa phương, tổ chức phổ biến chính sách và tăng cường kiểm tra, đánh giá các CCN trên cả nước.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
	Triển khai kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” lần thứ 6 (thẩm định hồ sơ, tổ chức đánh giá thực tế, tổ chức xét tặng tại Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ và cấp Nhà nước, trình cấp có thẩm quyền công nhận).	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
	Đẩy mạnh các nhiệm vụ thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2026–2030 nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập và phát triển kinh tế bền vững	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm
VIII	VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN		
	Tiếp tục triển khai các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về việc Hoa Kỳ điều tra theo mục 301 và việc đàm phán Hiệp định thương mại đối ứng công bằng và cân bằng với Hoa Kỳ; chủ động phối hợp với các đơn vị để chuẩn bị kỹ lưỡng thông tin, số liệu, phối hợp với các đối tác để làm rõ về tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam.		
1	Ký kết thỏa thuận nhằm tạo khuôn khổ hợp tác ổn định, thuận lợi với Hoa Kỳ và các đối tác lớn; chủ động xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến thuế quan.	Chính phủ	
2	Đàm phán, ký kết các Hiệp định FTA với các thị trường mới như FTA với khối EFTA (Na Uy, Thụy Sĩ, Ai-xơ-len, Lichtenstein) GCC (Trung Đông), Mỹ Latinh (Mercosur) và các khu vực tiềm năng khác.	Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan	

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
3	Triển khai hiệu quả các FTA đã ký kết (gồm cả triển khai Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA).		Bộ Công Thương và các Bộ, ngành, địa phương.	
IX	BAN CHỈ ĐẠO LIÊN NGÀNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ			
1		Tổ chức đoàn tham dự các Phiên đàm phán Hiệp định thương mại đối ứng với Hoa Kỳ tại Hoa Kỳ để sớm hoàn thành tiến tới ký kết Hiệp định.		
2		Tổ chức và tham gia Tổ công tác của Bộ Công Thương ứng phó việc Hoa Kỳ điều tra theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại 1974 (gọi là Tổ 301) theo Quyết định 461/QĐ-BCT ngày 14/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.		
3		Khẩn trương xây dựng Quy chế hoạt động của Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế theo Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 phê duyệt danh sách thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế.		
4		Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành trong việc chuẩn bị, tổ chức và triển khai các hoạt động đàm phán, thoả thuận quốc tế về kinh tế và thương mại; kiến nghị các cấp có thẩm quyền về việc xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình đàm phán		
X	CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI			
1	<i>Về hoàn thiện thể chế</i>	Thúc đẩy việc tách nội dung phòng vệ thương mại ra khỏi Luật Quản lý Ngoại thương; Tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương về đánh giá nội dung phòng vệ thương mại trong Luật Quản lý Ngoại thương.		

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
2	<i>Kế hoạch triển khai nhiệm vụ kiểm tra, giám sát</i>	Tiếp tục triển khai công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM đối với các doanh nghiệp còn lại là 06/14 doanh nghiệp theo Quyết định số 338/QĐ-BCT ngày 25/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra chuyên đề năm 2026		
3	<i>Các nhiệm vụ cụ thể khác</i>			
3.1		Xây dựng danh mục các mặt ngành, mặt hàng đầu tư lớn, công nghiệp nền tảng cần được đưa vào diện theo dõi, bảo vệ bằng công cụ phòng vệ thương mại	Bộ Công Thương	tháng 8/2026
3.2		Tiếp tục củng cố cơ chế phối hợp thống nhất, xuyên suốt xử lý các vụ việc PVTM giữa các Bộ, ngành trung ương và địa phương; giữa các tổ chức trong và ngoài nước; giữa các cơ quan quản lý Nhà nước và hiệp hội ngành hàng.	Bộ Công Thương	Thường xuyên
3.3		Tiếp tục thực hiện điều tra và áp dụng các biện pháp PVTM, chống lẫn tránh biện pháp PVTM khi phát hiện các dấu hiệu bất thường nhằm kịp thời bảo vệ sản xuất trong nước, đặc biệt là các sản phẩm, ngành hàng có mức đầu tư lớn, công nghiệp nền tảng.	Bộ Công Thương	Thường xuyên
3.4		Thực hiện hiệu quả công tác cảnh báo sớm, nâng cao năng lực xử lý các vụ việc PVTM, chống lẫn tránh PVTM nước ngoài, bổ sung nguồn lực phục vụ công tác xử lý các vụ việc (như thuê luật sư hỗ trợ các cơ quan thuộc Chính phủ, các Hiệp hội ngành hàng...).	Bộ Công Thương	Thường xuyên

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
3.5		Thực hiện các chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ liên quan đến Điều tra theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại Hoa Kỳ đối với 02 vụ việc lao động cưỡng bức và dư thừa công suất, nỗ lực tối đa ổn định thị trường cho doanh nghiệp Việt Nam.	Bộ Công Thương	Thường xuyên
3.6		Theo dõi sát diễn biến xu thế bảo hộ, xung đột thương mại giữa các nước cũng như các quy định mới được các nước áp dụng để kiến nghị các biện pháp ứng phó kịp thời.	Bộ Công Thương	Thường xuyên
3.7		Phối hợp với hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, doanh nghiệp xây dựng cơ chế, công cụ cung cấp thống nhất, đầy đủ, cập nhật về thông tin thị trường xuất nhập khẩu, cảnh báo sớm các biện pháp phòng vệ thương mại cho người dân, doanh nghiệp.	Bộ Công Thương	Thường xuyên
XI	VỤ DẦU KHÍ VÀ THAN			
1	<i>Các giải pháp công nghệ, khoa học kỹ thuật</i>			
1.1		- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng các giải pháp nâng cao thu hồi dầu tại các mỏ.	Bộ Công Thương	Quý IV/2026
		- Thúc đẩy khai thác mỏ nhỏ/cận biên bằng cách áp dụng công nghệ mới, kết nối để sử dụng tối đa cơ sở hạ tầng đã đầu tư và chính sách khuyến khích của Nhà nước.		
1.2		Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ nhằm tối ưu hoá hoạt động sản xuất; đa dạng hoá nguyên liệu đầu thô đầu vào cho các nhà máy lọc dầu; nâng cao chất lượng sản phẩm xăng dầu	Bộ Công Thương	Thường xuyên
1.3		Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ nhằm tối ưu các khâu sản xuất, tối ưu hóa các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật để khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hệ số thu hồi.	Bộ Công Thương	Thường xuyên
2	<i>Giải pháp về kiểm tra, đôn đốc, giám sát</i>			

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
2.1		Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và than trong việc thực hiện chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; duy trì hoạt động sản xuất an toàn, ổn định; nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Bộ Công Thương	Thường xuyên
2.2		Kiểm tra việc thực hiện các dự án thăm dò, khai thác, các hợp đồng dầu khí theo quy định của pháp luật.	Bộ Công Thương	Quý III/2026
2.3		Kiểm tra hoạt động sản xuất của các nhà máy lọc dầu	Bộ Công Thương	Quý IV/2026
2.4		Kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành lĩnh vực công nghiệp than liên quan đến hoạt động chế biến và cung cấp than cho sản xuất điện, hoạt động kinh doanh than.	Bộ Công Thương	Quý IV/2026
3	Kiện toàn tổ chức, cơ chế phối hợp	- Tăng cường phối hợp, trao đổi, thảo luận giữa cơ quan quản lý nhà nước với Petrovietnam và các Nhà thầu dầu khí để kịp thời nắm bắt tình hình dự án, đưa ra các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh triển khai dự án, là cơ sở để Nhà thầu hoàn thiện/điều chỉnh kế hoạch chi tiết triển khai các dự án, xây dựng phương án thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, an toàn và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. - Tăng cường phối hợp giữa Bộ Công Thương, các cơ quan trung ương và địa phương, Petrovietnam và các doanh nghiệp dầu khí trong việc thúc đẩy triển khai các dự án dầu khí. - Thực hiện phân cấp, phân quyền, giao quyền một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực dầu khí của Bộ Công Thương cho Petrovietnam được quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 28/02/2027.	Bộ Công Thương	Quý III/2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
		- Tăng khai thác dầu khí đáp ứng yêu cầu tăng trưởng ngành khai khoáng và nhiên liệu phục vụ phát điện.		
4	Bảo đảm nguồn lực, thu hút đầu tư	Tạo điều kiện cho các Nhà thầu dầu khí, Nhà đầu tư trong nước (bao gồm thành phần kinh tế tư nhân) và quốc tế nghiên cứu, mở rộng hoạt động đầu tư và ký kết các Hợp đồng dầu khí mới đối với các Lô mở trong thềm lục địa Việt Nam trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư và hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, tuân thủ quy định của pháp luật và bình đẳng với các Nhà thầu dầu khí tại các Lô dầu khí khác (đẩy nhanh công tác thẩm định, phê duyệt và cấp GCNĐKDT PSC các Lô 04-3/16 và 05-1b&c/17	Chính phủ, Bộ Công Thương	Quý IV/2026
5	Các giải pháp cụ thể khác			
5.1		Tập trung chỉ đạo Petrovietnam khẩn trương thực hiện một số biện pháp sau: - Làm việc với các nhà thầu dầu khí để có các giải pháp kỹ thuật nhằm gia tăng tối đa sản lượng dầu, khí khai thác trong nước trên nguyên tắc đảm bảo an toàn mỏ (các Lô 09.1, 15.1, 05.1, 16.1,...). - Tối ưu công tác quản lý mỏ, duy trì khai thác có hiệu quả các mỏ dầu và khí đang khai thác. - Tích cực triển khai, đẩy mạnh tiến độ thi công, sớm đưa các giếng mới (Lô 09-2/09, VSP), mỏ mới vào khai thác (Lô 12/11), đảm bảo dự án an toàn hiệu quả. - Giám sát, đôn đốc Nhà thầu triển khai các hoạt động dầu khí an toàn, hiệu quả, tiết kiệm và đúng tiến độ.	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
5.2		Thực hiện đồng bộ hiệu quả các nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại các Nghị quyết, Chiến lược, Quy hoạch, Chỉ thị, trong đó trọng tâm là: - Thực hiện đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các biện pháp chỉ đạo, điều hành, quản trị doanh nghiệp, tổ chức sản xuất hợp lý để nâng cao năng lực, năng suất và gia tăng tối đa sản lượng khai thác than. - Thực hiện quyết liệt và hiệu quả Nghị quyết số 28/2026/NQ-CP ngày 09/6/2026 của Chính phủ; kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có) để được hướng dẫn/giải quyết. - Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, khẩn trương đưa các dự án khai thác than, dầu khí vào hoạt động đúng tiến độ.		Thường xuyên
5.3		Theo dõi, bám sát tình hình cung cấp nhiên liệu sơ cấp (than, khí) cho sản xuất điện để kịp thời chỉ đạo các đơn vị liên quan đảm bảo đủ nhiên liệu sơ cấp cho sản xuất điện	Bộ Công Thương	Thường xuyên
XII	CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP			
1	Hoàn thiện thể chế			
1.1		Hoàn thành xây dựng 02 Nghị định và 10 Thông tư, trong đó tập trung sửa đổi 58 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn	Chính phủ/Bộ Công Thương	Năm 2026
1.2		Tiếp tục xây dựng Thông tư ban hành QCVN về động cơ điện - quạt công nghiệp	Bộ Công Thương	Quý I/2027
2	Giải pháp về an toàn vận hành và hỗ trợ sản xuất			
2.1		Tổ chức kiểm tra tại 35 đơn vị về an toàn khai thác khoáng sản, VLNCN, an toàn điện, đập hồ chứa thủy điện và hồ chứa quặng đuôi	Bộ Công Thương	6 tháng cuối năm

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
2.2		Hoàn thành đánh giá an toàn đập trước mùa mưa bão; phối hợp sửa đổi 11 quy trình vận hành liên hồ chứa	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	6 tháng cuối năm
2.3		Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn điện, trọng tâm là hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ thuật và triển khai chương trình KHCN về giải pháp an toàn	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	6 tháng cuối năm
3	<i>Giải pháp về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững</i>			
3.1		Phát triển công nghiệp môi trường (CNMT): Triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển ngành CNMT giai đoạn 2025-2030 (Quyết định số 1894/QĐ-TTg)	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	
3.2		Hợp tác quốc tế về giảm ô nhiễm: Đàm phán Thỏa thuận toàn cầu về giảm ô nhiễm nhựa; triển khai MOU với Nhật Bản về quản lý phát thải thủy ngân	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	
XIII	ỦY BAN CẠNH TRANH QUỐC GIA			
1	<i>Hoàn thiện thể chế</i>			
1.1		Xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Chính phủ/Bộ Công Thương	Tháng 12/2026
1.2		Xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh	Chính phủ/Bộ Công Thương	2026 – Quý I/2027

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
1.3		Xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh	Chính phủ/Bộ Công Thương	Tháng 12/2026
1.4		Ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sửa đổi	Bộ Công Thương	Tháng 12/2026
2	<i>Giải pháp về tăng cường giám sát thị trường</i>			
2.1		Kiểm soát các hoạt động tập trung kinh tế, mua bán sát nhập; Điều tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh	Bộ Công Thương	Thường xuyên
2.2		Chủ trì và phối hợp các tổ chức, cá nhân triển khai các cuộc kiểm tra chuyên ngành, từ đó, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực quản lý về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.	Bộ Công Thương	Thường xuyên
3	<i>Giải pháp về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</i>	Tổ chức các hội nghị, hội thảo tọa đàm trực tiếp, trực tuyến nhằm nâng cao nhận thức về quyền lợi của người tiêu dùng; Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người tiêu dùng qua Tổng đài 1800.6838, thư điện tử, trang thông tin điện tử...; Tăng cường xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Hướng dẫn, phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố triển khai công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương; Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về bảo vệ người tiêu dùng	Bộ Công Thương	Thường xuyên
XIV	CỤC HÓA CHẤT			
1.	<i>Hoàn thiện thể chế</i>			

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
1.1	Tiếp tục rà soát sửa đổi các văn bản trong lĩnh vực hóa chất, trọng tâm là 02 Nghị định về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và quản lý hoạt động hóa chất, bao gồm: - Nghị định số 25/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất. - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa	Chính phủ/Bộ Công Thương	Năm 2026
1.2	Rà soát, tham mưu Chính phủ cập nhật Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất: Cơ cấu lại các phân ngành hóa chất; ưu tiên hóa dược, vật liệu mới, hóa chất xanh, hóa chất phục vụ bán dẫn, năng lượng mới, nông nghiệp công nghệ cao; xác định rõ mục tiêu tăng trưởng, tự chủ nguyên liệu và cân bằng thương mại.		
1.3	Đẩy nhanh việc sửa đổi Chương trình phát triển công nghiệp hóa dược: Hoàn thiện hồ sơ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 270/QĐ-TTg; xác định danh mục hoạt chất, tá dược ưu tiên sản xuất trong nước; đề xuất Chương trình khoa học, công nghệ quốc gia về hóa dược và 02 trung tâm nghiên cứu triển khai quy mô pilot đạt chuẩn EU-GMP		
1.4	Đề xuất sửa đổi quy định về tiêu chí quy mô vốn để dự án hóa chất được áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt; nghiên cứu, kiến nghị điều chỉnh chính sách thuế nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan đối với muối công nghiệp và một số nguyên liệu, sản phẩm hóa chất nhằm khuyến khích đầu tư sản xuất trong nước, giảm phụ thuộc nhập khẩu và nâng cao năng lực tự chủ của ngành.		

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể		Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
1.5		- Đề xuất Chính phủ cập nhật, sửa đổi Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 20230, tầm nhìn đến năm 2040, tập trung vào các phân ngành mà Việt Nam có lợi thế.		
2	Tháo gỡ khó khăn			
2.1		Tháo gỡ vướng mắc cho các dự án hóa chất trọng điểm, dự án mở rộng công suất; Rà soát các dự án đang triển khai, dự án có khả năng vận hành/tăng công suất trong năm 2026; lập danh mục vướng mắc để xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo từng dự án		
2.2		Phát triển nhóm hóa chất cơ bản, nguyên liệu đầu vào có khả năng thay thế nhập khẩu: Sử dụng dữ liệu hải quan, xuất nhập khẩu và khảo sát doanh nghiệp để xác định 10-15 sản phẩm hóa chất có nhu cầu lớn, nhập khẩu cao, có khả năng sản xuất trong nước; ưu tiên xút, PVC, PP, PE, hóa chất cơ bản phục vụ dệt may, da giày, điện tử, bán dẫn, y tế, nông nghiệp; làm việc với các tập đoàn kinh tế nhà nước, doanh nghiệp lớn của Việt Nam để lựa chọn một số sản phẩm ưu tiên, hình thành tổ hợp, chuỗi sản phẩm từ các nhà máy hiện có, kết hợp lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng cảng biển, kho bãi, bồn bể và dịch vụ logistics.		
2.3		Đề xuất giải pháp thúc đẩy việc xây dựng các khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất nhằm tháo gỡ khó khăn về địa điểm đầu tư, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ trong các khu, cụm công nghiệp hóa chất.		
XV	BAN CHỈ ĐẠO NHÀ NƯỚC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA, TRỌNG ĐIỂM NGÀNH NĂNG LƯỢNG			

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	Làm tốt công tác tổng hợp báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng trong Danh mục tại Quyết định số 2634/QĐ-TTg ngày 02/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định.	Ban chỉ đạo	6 tháng cuối năm
	Tăng cường công tác tổng hợp, theo dõi, đôn đốc tiến độ các dự án nguồn và lưới điện trọng điểm, tập trung vào các dự án dự kiến hoàn thành năm 2026 và 2027, các dự án đảm bảo cung ứng điện cho miền Bắc và các khu vực phụ tải quan trọng. Kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh để đôn đốc, chỉ đạo.	Ban chỉ đạo	6 tháng cuối năm
	Phát huy hơn nữa vai trò đầu mối, phối hợp công tác giữa các thành viên Ban Chỉ đạo và các cơ quan, đơn vị liên quan, nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác phối hợp liên ngành.	Ban chỉ đạo	6 tháng cuối năm
	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuẩn bị nội dung và tổ chức tốt các phiên họp định kỳ và đột xuất của Ban Chỉ đạo.	Ban chỉ đạo	6 tháng cuối năm
XVI	VỤ PHÁP CHẾ		
1	Xây dựng Nghị định bãi bỏ toàn bộ hoặc một số điều các Nghị định của Chính phủ về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, giám định thương mại và độc quyền nhà nước		6 tháng cuối năm
XVII	VỤ DẦU KHÍ VÀ THAN		

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
1	Chỉ đạo Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, triển khai các kịch bản nhằm tăng sản lượng khai thác dầu khí trong nước gắn với bảo đảm an toàn các mỏ, phấn đấu góp phần đạt mục tiêu giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp khai khoáng năm 2026 đạt 5,4% theo kịch bản tại Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô (ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 6,67%, phấn đấu 6 tháng cuối năm đạt 4,0%), góp phần đưa giá trị tăng thêm của toàn ngành công nghiệp từ 11,4% theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ lên 11,8% theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ (ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 9,86%, phấn đấu 6 tháng cuối năm đạt 13,1%).		
2	Ưu tiên bảo đảm nguồn cung dầu thô cho các nhà máy lọc dầu trong nước		
	Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan khẩn trương xây dựng Chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Dầu khí (sửa đổi).		
	Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và than trong việc thực hiện chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; duy trì hoạt động sản xuất an toàn, ổn định; nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh		
	Kiểm tra việc thực hiện các dự án thăm dò, khai thác, các hợp đồng dầu khí theo quy định của pháp luật.		Quý III/2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	Kiểm tra hoạt động sản xuất của các nhà máy lọc dầu		Quý IV/2026
	Kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành lĩnh vực công nghiệp than liên quan đến hoạt động chế biến và cung cấp than cho sản xuất điện, hoạt động kinh doanh than.		Quý IV/2026
	- Tăng cường phối hợp, trao đổi, thảo luận giữa cơ quan quản lý nhà nước với Petrovietnam và các Nhà thầu dầu khí để kịp thời nắm bắt tình hình dự án, đưa ra các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh triển khai dự án, là cơ sở để Nhà thầu hoàn thiện/điều chỉnh kế hoạch chi tiết triển khai các dự án, xây dựng phương án thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, an toàn và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. - Tăng cường phối hợp giữa Bộ Công Thương, các cơ quan trung ương và địa phương, Petrovietnam và các doanh nghiệp dầu khí trong việc thúc đẩy triển khai các dự án dầu khí. - Thực hiện phân cấp, phân quyền, giao quyền một số nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực dầu khí của Bộ Công Thương cho Petrovietnam được quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 28/02/2027.		Quý III/2026
	Tạo điều kiện cho các Nhà thầu dầu khí, Nhà đầu tư trong nước (bao gồm thành phần kinh tế tư nhân) và quốc tế nghiên cứu, mở rộng hoạt động đầu tư và ký kết các Hợp đồng dầu khí mới đối với các Lô mở trong thêm lục địa Việt Nam trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư và hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, tuân thủ quy định của pháp luật và bình đẳng với các Nhà thầu dầu khí tại các Lô dầu khí khác (đẩy nhanh công tác thẩm định, phê duyệt và cấp GCNĐKĐT PSC các Lô 04-3/16 và 05-1b&c/17		Thường xuyên
	Tập trung chỉ đạo Petrovietnam khẩn trương thực hiện một số biện pháp sau: - Làm việc với các nhà thầu dầu khí để có các giải pháp kỹ thuật nhằm gia tăng tối đa sản lượng dầu, khí khai thác trong nước trên nguyên tắc đảm bảo an toàn mỏ (các Lô 09.1, 15.1, 05.1, 16.1,...). - Tối ưu công tác quản lý mỏ, duy trì khai thác có hiệu quả các mỏ dầu và khí đang khai thác.		Thường xuyên

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	- Tích cực triển khai, đẩy mạnh tiến độ thi công, sớm đưa các giếng mới (Lô 09-2/09, VSP), mỏ mới vào khai thác (Lô 12/11), đảm bảo dự án an toàn hiệu quả. - Giám sát, đôn đốc Nhà thầu triển khai các hoạt động dầu khí an toàn, hiệu quả, tiết kiệm và đúng tiến độ.		
XVIII	VỤ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI		
1	Nhóm nhiệm vụ về cơ chế hợp tác song phương (UBHH, TBHH)		
	Tổ chức Kỳ họp lần thứ 15 UBHH Việt Nam - Hàn Quốc về hợp tác Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng và Kỳ họp lần thứ 9 UBHH thực thi FTA Việt Nam - Hàn Quốc, tại Hàn Quốc		26-28/8/2026 (dự kiến)
	Tổ chức Đối thoại Năng lượng cấp Bộ trưởng Việt Nam - Úc lần thứ nhất, bên lề chuyển thăm Úc - New Zealand của Lãnh đạo cấp cao		Tháng 8/2026 (dự kiến)
	Tổ chức Kỳ họp lần thứ 8 UBHH Việt Nam - Nhật Bản về hợp tác thương mại, công nghiệp và năng lượng		Cuối tháng 9/2026 (dự kiến)
	Tổ chức Khoá họp lần thứ 8 UBLCP Việt Nam - Séc về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật		Tháng 9/2026
	Tổ chức Khoá họp lần thứ 3 UBLCP Việt Nam - Slovakia về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật		Tháng 9/2026
	Tổ chức Khoá họp lần thứ 26 Ủy ban Liên Chính phủ (UBLCP) Việt Nam - Nga		Quý III/2026
	Tổ chức Kỳ họp UBHH Việt Nam - Ả-rập Xê-út		Quý III hoặc Quý IV/2026 (dự kiến)

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	Tổ chức Khoá họp lần thứ 15 UBHH về hợp tác kinh tế và thương mại Việt Nam - Vương quốc Anh (JETCO 15)		Quý IV/2026 (dự kiến)
	Tổ chức các kỳ họp Nhóm công tác hợp tác chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng; và Nhóm công tác hợp tác chuỗi nông sản bền vững Việt Nam – Trung Quốc		2026
	Tổ chức Kỳ họp lần thứ 8 Ủy ban hỗn hợp (UBHH) về hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật Việt Nam - Indonesia		2026-2027
	Tổ chức UBHH Việt Nam - Ai Cập		2026-2027
	Tổ chức Kỳ họp lần thứ 16 UBLCP Việt Nam - Ukraine		2026-2027
	Tổ chức Kỳ họp lần thứ 6 Tiểu ban Thương mại hỗn hợp (TBHH) Việt Nam - Ấn Độ		2026-2027
	Tổ chức Kỳ họp lần thứ 4 TBHH Việt Nam - Bangladesh		2026-2027
	Tổ chức Kỳ họp lần thứ 3 Tiểu ban hỗn hợp Thương mại Việt Nam - Philippines		2026-2027
	Tổ chức kỳ họp thứ 11 Tiểu ban Thương mại hỗn hợp Việt Nam-Myanmar		2026-2027
	Thành lập cơ chế hợp tác Ủy ban hỗn hợp về thương mại Việt Nam - Campuchia do Bộ trưởng Công Thương Việt Nam và Bộ trưởng Thương mại Campuchia chủ trì		2026-2027

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	Rà soát, đơn đốc thực hiện các thoả thuận đã ký tại các kỳ UBHH/TBHH trước với các đối tác thuộc phạm vi phụ trách		Thường xuyên
2	Nhóm nhiệm vụ về triển khai các văn kiện, thoả thuận, kế hoạch thúc đẩy thương mại		
	Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu kim ngạch thương mại Việt Nam - Hàn Quốc đạt 150 tỷ USD theo hướng cân bằng hơn vào năm 2030		Thường xuyên
	Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu kim ngạch thương mại Việt Nam - Nhật Bản đạt 60 tỷ USD vào năm 2030		Thường xuyên
	Triển khai cụ thể hóa các cam kết trong Hiệp định Thương mại đối ứng công bằng và cân bằng Việt Nam – Hoa Kỳ (Dự kiến)		Thường xuyên
	Triển khai các ĐUQT/MOU/Thoả thuận đã ký kết với các nước trong khu vực		Thường xuyên
	Xây dựng chiến lược xuất khẩu chủ động vào thị trường Trung Quốc, Ấn Độ		
3	Nhóm nhiệm vụ đàm phán, mở rộng thị trường qua các hiệp định thương mại		
	Đàm phán, ký kết Bản ghi nhớ (MOU) về thương mại gạo Việt Nam - Mozambique		Quý III hoặc Quý IV/2026 (dự kiến)
	Đàm phán Hiệp định thương mại ưu đãi (PTA) Việt Nam - Pakistan		2026-2027

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	Khởi động đàm phán PTA Việt Nam - Bangladesh		2026-2027
	Thúc đẩy đàm phán Hiệp định (Thỏa thuận) Việt-Trung với ưu đãi cao hơn các FTA đa phương và khu vực mà 2 nước là thành viên		2026-2027
4	Nhóm nhiệm vụ hợp tác kinh tế qua biên giới		
	Đàm phán Thỏa thuận về Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc		2026-2027 (dự kiến)
	Đàm phán Hiệp định thí điểm xây dựng Khu hợp tác kinh tế thương mại qua biên giới Lao Bảo - Densavan		2026-2027
5	Nhóm nhiệm vụ xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế		
	Tổ chức Tuần hàng Việt Nam tại Thái Lan		Quý III/2026
	Tổ chức Diễn đàn Việt Nam - EU		Quý IV/2026
	Tổ chức Diễn đàn doanh nghiệp bên lề JETCO 15		Quý IV/2026
	Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại tại thị trường nước ngoài thuộc phạm vi phụ trách (ASEAN, Nam Á, Nigeria, Thổ Nhĩ Kỳ...)		Thường xuyên trong năm 2026

TT	Nhóm nhiệm vụ/Nội dung cụ thể	Cấp có thẩm quyền	Thời hạn hoàn thành
	Triển khai Đề án "Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030" năm 2026		Theo kế hoạch năm 2026
	Tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại trong chương trình “Chia sẻ thị trường lớn – Xuất khẩu Trung Quốc” năm 2026 (Đối thoại Sơn Đông, Hội chợ Trung Quốc-ASEAN, Hội chợ nhập khẩu quốc tế Trung Quốc, Diễn đàn hợp tác kinh tế Vùng Vịnh Lớn – ASEAN, Lễ hội trái cây Mê Công-Lan Thương); và thúc đẩy ký kết Bản ghi nhớ để Việt Nam là Quốc gia chủ đề của chương trình “Chia sẻ thị trường lớn – Xuất khẩu Trung Quốc” năm 2027		2026 - 2027
	Tổ chức Diễn đàn Logistics Kết nối các khu vực “Tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu: Cơ hội mới cho logistics Việt Nam”		Quý III/2026
	Tổ chức Diễn đàn Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ		Quý IV/2026
	Tổ chức kết nối, làm việc với các Nhà phân phối, bán lẻ lớn tại khu vực châu Mỹ trong khuôn khổ các chuyến công tác của Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo cấp cao		Theo các chương trình công tác cụ thể

PHỤ LỤC III

DANH MỤC ĐỊA PHƯƠNG THEO DÕI THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU IIP VÀ TỔNG MỨC BÁN LẺ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. NHÓM ĐỊA PHƯƠNG CHƯA HOÀN THÀNH ÍT NHẤT MỘT TRONG HAI CHỈ TIÊU, TIẾP TỤC PHẢN ĐÁU

TT	Địa phương	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)			Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng			Ghi chú
		Kết quả 6 tháng (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	Kết quả 6 tháng đầu năm (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	
1	TP. Hồ Chí Minh	10,9	12,2	-1,30	11,8	15,0	-3,20	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
2	Hà Nội	8,8	11-12	-2,20	12,5	12,7	-0,20	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
3	Hải Phòng	14,8	15,5-16	-0,70	13,1	13,5	-0,40	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
4	Đồng Nai	12,6	13	-0,40	13,4	17,22	-3,82	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
5	Phú Thọ	25,1	26,2	-1,10	11,4	14,5	-3,10	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
6	Quảng Ninh	15,9	16	-0,10	15,3	24	-8,70	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.

TT	Địa phương	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)			Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng			Ghi chú
		Kết quả 6 tháng (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	Kết quả 6 tháng đầu năm (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	
7	Lâm Đồng	9,7	>12	-2,30	14,2	23,87	-9,67	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
8	Tây Ninh	15,1	13,89	+1,21	13	14	-1,00	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.
9	Ninh Bình	27,3	26,5	+0,80	13,3	19,5	-6,20	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.
10	Thanh Hóa	10,7	14	-3,30	11,8	8,1	+3,70	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
11	Hưng Yên	15,2	15	+0,20	14,1	17,1	-3,00	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.
12	Đà Nẵng	9,6	12,0	-2,40	15,2	16-18	-0,80	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
13	Cần Thơ	8,8	11-13	-2,20	12,6	11-13	+1,60	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản

TT	Địa phương	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)			Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng			Ghi chú
		Kết quả 6 tháng (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	Kết quả 6 tháng đầu năm (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	
								xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
14	An Giang	14	13,19	+0,81	13,4	24,98	-11,58	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.
15	Đồng Tháp	12,2	12,0	+0,20	12,9	13,8	-0,90	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.
16	Vĩnh Long	9,2	17,1	-7,90	13,3	12,0	+1,30	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
17	Nghệ An	23	19-20	+4,00	13	18	-5,00	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.
18	Đắk Lắk	14	9,5	+4,50	12,8	17	-4,20	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.

TT	Địa phương	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)			Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng			Ghi chú
		Kết quả 6 tháng (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	Kết quả 6 tháng đầu năm (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	
19	Khánh Hòa	9	11,5	-2,50	14,8	16,5	-1,70	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
20	Thái Nguyên	19,9	14,5	+5,40	13,8	18,5	-4,70	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.
21	Quảng Ngãi	12,9	13,0	-0,10	12,8	12,4	+0,40	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
22	Cà Mau	11	11,61	-0,61	12,8	15	-2,20	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
23	Lào Cai	9,1	13	-3,90	12,5	12,9	-0,40	Chưa đạt cả IIP và tổng mức bán lẻ; cần theo dõi sát, ưu tiên tháo gỡ nút thắt sản xuất và kích cầu tiêu dùng.
24	Quảng Trị	8,9	18	-9,10	12,8	12,7	+0,10	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
25	Sơn La	10,7	4,5	+6,20	13,4	14,28	-0,88	IIP đạt/vượt nhưng tổng mức bán lẻ chưa đạt; cần đẩy mạnh kích cầu tiêu

TT	Địa phương	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)			Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng			Ghi chú
		Kết quả 6 tháng (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	Kết quả 6 tháng đầu năm (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Chênh lệch 6 tháng/mục tiêu (điểm %)	
								dùng, kết nối cung cầu, thương mại điện tử và phân phối hiện đại.
26	Tuyên Quang	9,3	10,05	-0,75	13,8	6,74	+7,06	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
27	Huế	10,2	16-17	-5,80	14,1	13-14	+1,10	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
28	Lạng Sơn	4,9	9,00	-4,10	12,6	11,5	+1,10	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
29	Lai Châu	6,3	25	-18,70	12,4	11,69	+0,71	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.
30	Điện Biên	16	18,52	-2,52	13,6	10,74	+2,86	Tổng mức bán lẻ đạt/vượt nhưng IIP chưa đạt; cần tập trung phục hồi sản xuất công nghiệp, dự án công nghiệp và bảo đảm đầu vào.

II. NHÓM ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ HOÀN THÀNH HOẶC VƯỢT ĐỒNG THỜI CHỈ TIÊU IIP VÀ TỔNG MỨC BÁN LẺ, TIẾP TỤC DUY TRÌ VÀ PHÂN ĐẦU VƯỢT

TT	Địa phương	Tỷ trọng GRDP 2025 (%)	IIP 6 tháng (%)	Mục tiêu IIP năm (%)	Chênh lệch IIP (điểm %)	Tổng mức bán lẻ 6 tháng (%)	Mục tiêu bán lẻ năm (%)	Chênh lệch bán lẻ (điểm %)	Ghi chú
1	Bắc Ninh	4,10	19,5	17,5	+2,00	14,3	8,5	+5,80	Đạt/vượt cả hai chỉ tiêu; tiếp tục duy trì đà tăng, phân đầu vượt mục tiêu và đóng góp thêm cho kịch bản tăng trưởng chung.
2	Gia Lai	2,10	9,5	9,5-10,5	0,00	12,8	10,89	+1,91	Đạt/vượt cả hai chỉ tiêu; tiếp tục duy trì đà tăng, phân đầu vượt mục tiêu và đóng góp thêm cho kịch bản tăng trưởng chung.
3	Hà Tĩnh	0,90	32,8	15,25	+17,55	12,9	12	+0,90	Đạt/vượt cả hai chỉ tiêu; tiếp tục duy trì đà tăng, phân đầu vượt mục tiêu và đóng góp thêm cho kịch bản tăng trưởng chung.
4	Cao Bằng	0,20	12,1	6,08	+6,02	12,1	10	+2,10	Đạt/vượt cả hai chỉ tiêu; tiếp tục duy trì đà tăng, phân đầu vượt mục tiêu và đóng góp thêm cho kịch bản tăng trưởng chung.